

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NL
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2021/HS-ST
Ngày 15 - 7 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NL TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Trung Thành

Ông Phạm Văn Diễm

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thịnh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện NL, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NL, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện NL, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 17/2021/TLST-HS ngày 06 tháng 5 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2021/HSST-QĐ ngày 18 tháng 6 năm 2021, đối với bị cáo:

Trịnh Đình T; sinh ngày 18 tháng 5 năm 1992; tại tỉnh Thanh Hoá; nơi cư trú: Thôn CL, xã XT, huyện TX, tỉnh Thanh Hoá; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trịnh Đình TH (Chết); con bà: Bùi Thị TR; tiền sự: Ngày 20/01/2020, bị Công an huyện TX, tỉnh Thanh Hoá xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy, đến nay bị cáo chưa chấp hành xong việc nộp phạt; tiền án: Ngày 23/01/2018, bị Tòa án nhân dân huyện TX, tỉnh Thanh Hoá xử phạt 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2018/HSST, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 30/4/2019; nhân thân: Ngày 20/6/2012, bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án hình sự phúc thẩm số 95/2012/HSPT, đã chấp hành xong hình phạt tù; Ngày 31/12/2020, bị Tòa án nhân dân huyện TX, tỉnh Thanh Hoá xử phạt 24 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án hình sự sơ thẩm số 85/2020/HS-ST; Ngày 10/3/2021, bị Tòa án nhân dân huyện TX, tỉnh Thanh Hoá xử phạt 25 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, tổng hợp hình phạt của Bản án số 85/2020/HS-ST ngày 31/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện TX, tỉnh Thanh Hoá buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 49 tháng tù theo Bản án số 08/2021/HS-ST, án đã có

hiệu lực pháp luật; hiện đang chấp hành án. Có mặt.

- *Bị hại:* Anh Phạm Văn **M**; sinh năm: 1990; nơi cư trú: Làng **NB**, xã **PT**, huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Vũ Văn **B**; sinh năm: 1921; nơi cư trú: Thôn 3 Yên Lược, xã Thuận **M**, huyện **TX**, tỉnh Thanh Hoá. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Sáng ngày 29/8/2020, Trịnh Đình **T** đi xe khách từ Hà Nội về đến khu vực thôn **BS**, xã **KT**, huyện **NL** thì xuống xe đi bộ về hướng huyện **TX**, tỉnh Thanh Hoá. Khi đi đến địa phận thôn Kiên **M**, xã **KT**, huyện **NL** thì thấy có một chiếc xe mô tô BKS 36B2-701.78, nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu sơn đỏ - đen của anh Phạm Văn **M**, ở làng **NB**, xã **PT**, huyện **NL** dựng ở lề đường, chìa khóa cắm ở ổ khóa điện của xe và không có người trông coi. **T** liền nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. **T** đi lại gần xe mô tô BKS 36B2-701.78, ngồi lên xe và mở khóa điện quay xe đi theo đường mòn Hồ Chí **M** hướng Cẩm Thủy đi Hà Nội. Trên đường đi **T** dừng lại đổ xăng và mở cốp xe thấy bên trong có một túi đồ đựng công cụ sửa chữa điện của anh **M** nên **T** cầm túi đồ điện vứt ra khu đất trống ven đường và tiếp tục điều khiển xe mô tô ra Hà Nội. Trên đường đi **T** có đi vào các quán ven đường để tìm chỗ bán xe nhưng do xe không có giấy tờ nên không bán được xe. Sau đó **T** điều khiển xe mô tô theo đường Hồ Chí **M** để đi về nhà mình. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, **T** điều khiển xe mô tô đi thẳng đến nhà ông Vũ Văn **B**, ở thôn 3 Yên Lược, xã Thuận **M**, huyện **TX**, tỉnh Thanh Hóa để vay ông **B** số tiền 2.000.000đ, **T** để lại chiếc xe mô tô BKS 36B2-701.78 cho ông **B** làm tin và hẹn khi nào có tiền sẽ mang đến trả và lấy xe về. Số tiền này **T** dùng để chi tiêu cá nhân hết.

Đến ngày 18/9/2020, **T** đến Công an huyện **TX**, tỉnh Thanh Hoá để đầu thú khai nhận hành vi phạm tội trộm cắp tài sản trước đó ở địa **B** huyện **TX** và đồng thời khai nhận hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô BKS 36B2-701.78 vào ngày 29/8/2020 tại thôn Kiên **M**, xã **KT**, huyện **NL**. Đến ngày 31/10/2020, Công an huyện **TX** chuyển giao xe mô tô BKS 36B2-701.78 và toàn bộ hồ sơ, tài liệu có liên quan cho Công an huyện **NL** để tiếp nhận điều tra theo thẩm quyền.

Ngoài ra, quá trình điều tra Trịnh Đình **T** còn khai nhận ngoài hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô BKS 36B2-701.78 thì vào khoảng đầu tháng 9/2020 (không nhớ cụ thể ngày, giờ) **T** điều khiển xe mô tô BKS 36L3-2246 của mình đi đến địa phận thị trấn **NL**, huyện **NL** (không nhớ địa chỉ cụ thể ở đâu) đi qua một cửa hàng điện thoại di động (không nhớ tên cửa hàng) thấy không có người trông coi nên **T** đi vào lấy trộm được 02 (hai) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung (không nhớ chủng loại gì). Sau đó, **T** đi đến thị trấn **TX**, huyện **TX** bán cho một cửa hàng điện thoại với giá 1.300.000đ (không nhớ cụ thể địa chỉ và tên cửa hàng). Số tiền này **T** cũng chi tiêu cá nhân hết. Do **T** không nhớ được địa điểm trộm cắp cũng như địa điểm bán hai chiếc điện thoại di động nêu trên nên Cơ quan điều tra chưa

thu giữ được 02 chiếc điện thoại. Đồng thời, Cơ quan điều tra cũng đã ra thông báo tìm bị hại bị mất trộm điện thoại, xác **M** tại một số cửa hàng bán điện thoại trên địa **B** thị trấn **NL**, huyện **NL** nhưng đến nay vẫn chưa xác định được bị hại. Vì vậy, Cơ quan điều tra tách hành vi trên để tiếp tục điều tra xử lý sau khi có đủ căn cứ.

Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 36/KL- HĐĐG ngày 10/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân huyện **NL** xác định: Tài sản định giá là 01 (một) chiếc xe mô tô BKS 36B2 - 701.78, nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ - đen. Giá trị tài sản tại thời điểm xảy ra vụ việc là 6.300.000đ (Sáu triệu ba trăm nghìn đồng).

Tại bản cáo trạng số 20/CT-VKSNL ngày 06 tháng 5 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân (sau đây viết tắt là VKSND) huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá đã truy tố Trịnh Đình **T** về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự (sau đây viết tắt là BLHS).

Tại phiên toà, đại diện VKSND giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS: xử phạt Trịnh Đình **T** mức án tù 09 tháng đến 12 tháng tù. Áp dụng khoản điều 56; điều 55 BLHS, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án từ 58 tháng tù đến 61 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/9/2020.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản nào có giá trị, không có thu nhập ổn định nên đề nghị không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì **T** nên đề nghị không xem xét.

Ông Vũ Văn **B** yêu cầu bị cáo phải bồi thường 2.000.000đ. Bị cáo đồng ý với mức bồi thường đó, đề nghị công nhận sự tự nguyện của bị cáo.

Về vật chứng: Đã được xử lý trong giai đoạn điều tra nên đề nghị không xem xét.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai nhận: Sáng ngày 29/8/2020, bị cáo đi xe khách từ Hà Nội về đến khu vực thôn **BS**, xã **KT**, huyện **NL** thì xuống xe đi bộ về hướng huyện **TX**, tỉnh Thanh Hoá. Khi đi đến địa phận thôn Kiên **M**, xã **KT**, huyện **NL** thì thấy có một chiếc xe mô tô dựng ở lề đường, chìa khóa cắm ở ổ khóa điện của xe và không có người trông coi. Bị cáo liền nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Bị cáo đi lại gần xe mô tô ngồi lên xe và mở khóa điện quay xe đi theo đường mòn Hồ Chí **M** hướng Cẩm Thủy đi Hà Nội. Trên đường đi bị cáo dừng lại đổ xăng và mở cốp xe thấy bên trong có một túi đồ đựng công cụ sửa chữa điện nên bị cáo cầm túi đồ điện vứt ra khu đất trống ven đường và tiếp tục điều khiển xe mô tô ra Hà Nội. Trên đường đi bị cáo có đi vào các quán ven đường để tìm chỗ bán xe nhưng do xe không có giấy tờ nên không bán được xe. Sau đó bị cáo điều khiển xe mô tô theo đường Hồ Chí **M** để đi về nhà mình. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, bị cáo điều khiển xe mô tô đi thẳng đến nhà ông Vũ Văn **B** để vay số tiền 2.000.000đ, bị cáo để lại chiếc xe mô tô làm tin và hẹn khi nào có tiền sẽ mang đến trả và lấy xe

về.

Trong quá trình điều tra, bị hại anh Phạm Văn **M** trình bày: Khoảng 10 giờ ngày 29/8/2020, anh điều khiển xe mô tô BKS 36B2-701.78 để đi sửa chữa đường dây điện, lắp công tơ tại thôn Kiên **M**, xã **KT**, huyện **NL**. Khi làm việc, anh dựng xe ở lề đường, do sơ ý nên anh không rút chìa khoá xe. Do tập trung làm việc, anh không để ý xe của mình. Sau khi xong việc thì anh không thấy chiếc xe mô tô đâu nữa, anh đã tìm kiếm xung quanh nhưng không thấy. Anh đã được nhận lại chiếc xe mô tô và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì **T**. Đối với túi đồ đựng công cụ sửa chữa điện để trong cốp xe, do có giá trị không lớn nên anh không yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Vũ Văn **B** trình bày: Năm 2020, ông có cho một nam thanh niên vay 2.000.000đ, người này để lại một chiếc xe mô tô để làm tin, hẹn hôm sau sẽ mang tiền xuống trả và lấy xe. Đến nay thì nam thanh niên vẫn chưa trả tiền cho ông. Khi Cơ quan điều tra Công an huyện **TX** yêu cầu thì ông đã giao nộp lại chiếc xe. Ông yêu cầu bị cáo trả lại cho ông số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

Trong lời nói sau cùng, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Sáng ngày 29/8/2020, Trịnh Đình **T** lợi dụng sự sơ hở mất cảnh giác của anh Phạm Văn **M**, quan sát thấy không có ai để ý, bị cáo đã lấy trộm chiếc xe mô tô BKS 36B2-701.78, nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS, màu sơn đỏ - đen. Tài sản tại thời điểm bị cáo trộm cắp có giá trị 6.300.000đ (Sáu triệu ba trăm nghìn đồng). Như vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo đã có hành vi phạm vào khoản 1 Điều 173 BLHS.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội có 01 tình tiết tăng nặng là tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS và có 02 tình tiết giảm nhẹ như sau: quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai trung thực các tình tiết của vụ án là đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện khai ra hành vi trộm cắp tài sản trước khi bị phát hiện là đã tự thú, đây là hai tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[4] Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân xấu, có 01 tiền sự, 01 tiền án. Nên cần xét

xử bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo và cần cách ly khỏi xã hội một thời gian để bị cáo cải tạo trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội, đồng thời răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Căn cứ điều 56; điều 55 BLHS, HĐXX tổng hợp hình phạt của bị cáo đang phải chấp hành theo Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2021/HS-ST ngày 10/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện **TX**, tỉnh Thanh Hoá và hình phạt của bản án bị cáo đang bị xét xử thành hình phạt chung của cả hai bản án. Thời gian bị cáo đã chấp hành hình phạt của bản án trước được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản nào có giá trị, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì **T**, nên không xem xét.

Ông Vũ Văn **B** yêu cầu bị cáo phải bồi thường 2.000.000đ. Bị cáo đồng ý với mức bồi thường đó nên công nhận sự tự nguyện của bị cáo, buộc bị cáo bồi thường cho ông **B** 2.000.000đ.

[8] Về vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 (một) chiếc xe mô tô BKS 36B2-701.78, nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ - đen. Sau khi định giá tài sản trộm cắp, xét thấy không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nên Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng, giao trả lại tài sản cho anh Phạm Văn **M** là chủ sở hữu hợp pháp là đúng quy định của pháp luật.

Đối với túi đồ đựng công cụ sửa chữa điện của anh **M**, bị cáo đã vứt xuống khu đất trống ven đường Hồ Chí **M**, không xác định được địa điểm cụ thể nên Cơ quan điều tra không truy tìm được.

[9] Đối với hành vi trộm cắp 02 (hai) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung (không nhớ chủng loại gì) tại một cửa hàng điện thoại di động (không nhớ tên cửa hàng) ở thị trấn **NL**, huyện **NL**. Sau đó, bị cáo đi đến thị trấn **TX**, huyện **TX** bán cho một cửa hàng điện thoại với giá 1.300.000đ (không nhớ cụ thể địa chỉ và tên cửa hàng). Do bị cáo không nhớ được địa điểm trộm cắp cũng như địa điểm bán hai chiếc điện thoại di động nêu trên nên Cơ quan điều tra chưa thu giữ được 02 chiếc điện thoại. Cơ quan điều tra cũng đã ra thông báo tìm bị hại bị mất trộm điện thoại, xác **M** tại một số cửa hàng bán điện thoại trên địa **B** thị trấn **NL**, huyện **NL** nhưng đến nay vẫn chưa xác định được bị hại. Vì vậy, Cơ quan điều tra tách hành vi trên để tiếp tục điều tra xử lý sau khi có đủ căn cứ.

[10] Đối với hành vi của ông Vũ Văn **B**, là người đã cho bị cáo vay tiền và giữ chiếc xe mô tô BKS 36B2-701.78. Khi cho bị cáo vay tiền và giữ chiếc xe mô tô ông **B** không biết chiếc xe mô tô đó là tài sản trộm cắp. Do vậy, hành vi của ông **B** không có dấu hiệu tội phạm hình sự nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là có căn cứ.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[12] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện **NL**, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện **NL**, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự (sau đây viết tắt là BLTTHS). Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 56; Điều 55 BLHS:

Tuyên bố: Bị cáo Trịnh Đình **T** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Trịnh Đình **T** 09 (Chín) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 49 (Bốn mươi chín) tháng tù của Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2021/HS-ST ngày 10/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện **TX**, tỉnh Thanh Hoá, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 58 (Năm mươi tám) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/9/2020.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS; các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Trịnh Đình **T** bồi thường cho ông Vũ Văn **B** 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

Từ khi ông **B** có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa thi hành án khoản tiền bồi thường thiệt hại, hàng tháng bị cáo còn phải chịu **T** khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 BLDS trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; khoản 1 Điều 6, điểm a, c, f khoản 1 Điều 23; khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Bị cáo Trịnh Đình **T** phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh **M** có quyền kháng cáo bản án này, ông **B** có quyền kháng cáo phần bản án này có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- CQĐT CA huyện **NL**;
- CQTHAHS CA huyện **NL**;
- Trại tạm giam CA tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện **NL**;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thanh Tân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Trung Thành

Phạm Văn Điềm

Nguyễn Thanh Tân

